

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-DS

Ngày: 12-7-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- *T phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Dương Văn Hậu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố PT, phường PTh, xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị Túy G, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Số 74C đường CM, khóm 7, phường 1, Thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu;

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972

+ Anh Nguyễn Trí K, sinh năm 1995

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trí K: Ông Nguyễn Văn P.

Địa chỉ: Ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

+ Bà Vũ Thị C, sinh năm 1977

+ Chị Nguyễn Hồng Thảo V

Địa chỉ: Ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

+ UBND xã VHA

Địa chỉ: Ấp 12, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

+ UBND huyện HB

Địa chỉ: Ấp TTA, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P: Luật sư Trịnh Thanh N – Văn phòng luật sư TTM, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, ông Đỗ Văn S, ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị C, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P, đại diện UBND xã VHA, đại diện UBND huyện HB có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Hồng Thảo V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2020, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/11/2001 ông T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn S, không rõ tại thửa nào và tờ bản đồ số mấy. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng không tiến hành đo đạc thực tế, vì ông S chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông cho ông T và ông Phạm Ngọc Đ (mỗi người $\frac{1}{2}$ trong toàn bộ diện tích đất của ông S) nên ông T và ông Đ tự phân chia. Ông S chỉ vị trí đất của ông và ông T cùng ông Đ tiến hành nhận đất chứ không tiến hành đo đạc giao đất, có mời những hộ giáp ranh chứng kiến nhưng không nhớ họ tên. Sau khi nhận quyền sử dụng đất của ông S thì UBND xã VHA có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S cho ông T. Tuy nhiên, ông T chưa tiến hành thủ tục sang tên. Sau đó ông T có thể chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh xã Hiệp T để vay số tiền 48.000.000 đồng, đồng thời thế chấp quyền sử dụng đất do ông S đứng tên (ông S có làm văn bản cho mượn sổ đỏ để vay vốn vì ông S đứng tên quyền sử dụng). Sau khi vay thì ông T có thanh toán tiền lãi được 02 năm, do làm ăn thất bại nên sau đó không đóng lãi cũng như chưa trả vốn. Khoảng năm 2014 ông T có liên hệ để thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng thì được biết ông S đã trả tiền và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T đi trích lục hồ sơ thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S đã chuyển tên cho Nguyễn Trí K, tại ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Nay ông T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 7.812,5m² tại thửa 225 (79 cũ) tờ bản đồ số 17 (14 cũ) và 289,4m² (đất bờ kênh 7) vì diện tích đất này ông Đỗ Văn S đã chuyển nhượng cho ông T (hiện nay ông Nguyễn Văn P đang quản lý, sử dụng); yêu cầu ông P trả đất và yêu cầu ông P trả số tiền 160.000.000 đồng tiền sử dụng đất; đồng ý trả ông P số tiền nợ 20.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền ông P đã trả cho Ngân hàng thay cho ông T. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nguyễn Trí K đối với phần diện tích đất tranh chấp.

Bị đơn ông Đỗ Văn S trình bày: Ông đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T và ông Đ đúng như lời trình bày của ông Đ và ông T. Ông không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Trí K hay ông Nguyễn Văn P và cũng không có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh

K. Ông đã giao đất cho ông T và ông Đ kể từ khi chuyển nhượng (mỗi người $\frac{1}{2}$). Ông có ký tên cho ông T vay vốn tại Ngân hàng, sau đó ông P đưa tiền cho ông Đ và ông Đ giao cho ông để trả cho Ngân hàng. Nhưng ông không nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng. Ông chỉ trả tiền cho Ngân hàng thay cho ông T như trên. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng ý công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ông đã chuyển nhượng cho ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 22/6/2021 ông Nguyễn Trung T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 160.000.000 đồng. Rút lại sự tự nguyện trả ông P số tiền nợ 20.000.000 đồng. Chỉ đồng ý trả ông P số tiền ông P đã trả cho Ngân hàng thay ông. Đồng thời, giữ nguyên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 7.812,5m² thuộc một phần thửa 225 tờ bản đồ số 17 và 289,4m² đất bờ kênh 7. Giữ nguyên yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Nguyễn Trí K đối với diện tích đất nêu trên.

Ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông T và ông S về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông S chuyển nhượng cho ông T và ông Đ mỗi người $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất do ông S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần diện tích đất của ông T thì do ông T nợ tiền thức ăn nuôi tôm khi làm ăn chung với ông nên ông đã lấy đất của ông T để trừ nợ. Sau đó ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông Đ nên cho con ông là Nguyễn Trí K đứng tên toàn bộ diện tích đất của ông T và ông Đ. Việc chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Trí K do ông Đ tiến hành làm hết tất cả các thủ tục. Ông không trực tiếp đi làm các thủ tục chuyển tên và không biết ông S có đi làm thủ tục chuyển tên cho K hay không. Nay ông đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Trung T diện tích đất 7.812,5m² tại thửa 225 (thửa số 79 cũ) tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ số 14 cũ) và 289,4m² (đất bờ kênh số 7), đất tọa lạc tại ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Trung T ngày 23/4/2021, bao gồm tiền thức ăn và tiền ông đã trả Ngân hàng. Đối với ý kiến ông T là đồng ý trả cho ông số tiền mà ông đã trả ngân hàng là 134.450.000.000 đồng và trả tiền nợ 20.000.000 đồng thì ông không đồng ý nhận bất cứ số tiền nào của ông T. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác đối với ông T.

Bà Vũ Thị C, UBND xã VHA, UBND huyện HB có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì. Chị Nguyễn Hồng Thảo V vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn P trình bày: Yêu cầu ghi nhận S tự nguyện của ông Nguyễn Văn P, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn tự nguyện chịu mọi chi phí tố tụng và án phí dân S sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích $7.812,5m^2 + 289,4m^2$ (đất bờ kênh 7) tại thửa 225 (thửa 79 cũ), tờ bản đồ số 17 (bản đồ số 14 cũ), đất tọa lạc tại ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu cho ông Nguyễn Trung T.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 03 ngày 08/01/2015 giữa ông Đỗ Văn S với anh Nguyễn Trí K là vô hiệu. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 03 ngày 08/01/2015 giữa ông Đỗ Văn S với anh Nguyễn Trí K.

Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Trung T đối với ông Nguyễn Văn P về số tiền 160.000.000đ.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn P đối với ông Nguyễn Trung T về số tiền 116.511.000đ.

- Chi phí xem xét thẩm định, chi phí định giá tài sản và án phí dân S sơ thẩm: Ghi nhận S tự nguyện của ông Nguyễn Trung T. Buộc ông T phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ông Nguyễn Trung T yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bị đơn ông Đỗ Văn S trú tại ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Trung T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn S đã chuyển nhượng cho ông tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/11/2001. Mặc dù về hình thức hợp đồng chưa tuân thủ quy định pháp luật nhưng các bên đã thực hiện xong việc giao nhận quyền sử dụng đất và thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, cả ông T và ông S đều thừa nhận và thống nhất việc chuyển nhượng nêu trên. Đã hết thời hiệu mà các bên vẫn không yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T và ông S đã hoàn thành và đã phát sinh hiệu lực.

Căn cứ sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn P, hiện nay ông P đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông S, qua đo đạc thực tế phần đất có diện tích 289,4m² đất bờ kênh số 7, có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp có số đo 28,5m;
- Hướng tây giáp kênh số 7 có số đo 28,5m;
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 10,16m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Xứng có số đo 10,19m.

Và diện tích đất 7.812,5m² thuộc thửa 225 (79 cũ) tờ bản đồ số 17 (14 cũ), có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn P nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Đoan có số đo 28,5m;
- Hướng tây giáp đất bờ kênh số 7 có số đo 28,5m;
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 274,3m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Xứng có số đo 274,7m.

Trên phần đất tranh chấp không có tài sản hay kiến trúc nào khác, hiện trạng là đất nuôi trồng thủy sản.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Văn P thì tổng diện tích đất tranh chấp do ông tự lấy đất trừ số tiền ông T đã nợ của ông. Tuy nhiên, không thông qua hợp đồng hay văn bản nào thể hiện ý kiến của ông T về việc giao đất cho ông để trừ nợ. Ông P xác định, việc con ông là Nguyễn Trí K đứng tên là do ông nhờ ông Đ đăng ký chuyển tên từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S sang tên Nguyễn Trí K. Thực tế, ông mới là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này. Ông Phạm Văn Đ cho rằng ông không có làm bất kỳ thủ tục sang tên nào thay cho ông P. Ông có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông P nhưng chỉ là thỏa thuận miệng. Đối với phần đất ông T thì ông không biết. Như vậy, tất cả các đương sự đều cho rằng không trực tiếp làm thủ tục chuyển nhượng thay cho ông S và anh K. Ông Đỗ Văn S thừa nhận chỉ chuyển nhượng cho ông T chứ không chuyển nhượng cho ông P hay cho anh K. Mặt khác, ông Nguyễn Văn P tự nguyện trả cho ông Nguyễn Trung T toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên. Không đồng ý nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Nguyễn Trung T. Đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tuy nhiên, đối với phần đất bờ kênh số 7 không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn S, do đó, ông T có quyền đến cơ quan có thẩm

quyền tiến hành thủ tục kê khai đăng ký nếu thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử chỉ công nhận cho ông Nguyễn Trung T quyền sử dụng diện tích đất 7.812,5m² thuộc một phần thửa 225 (79 cũ) tờ bản đồ số 17 (14 cũ), đồng thời tạm giao diện tích đất bờ kênh là 289,4m² cho ông Nguyễn Trung T quản lý, sử dụng.

[4] Ông Nguyễn Trung T rút lại yêu cầu buộc ông P trả số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này của ông Nguyễn Trung T.

[5] Ông Nguyễn Văn P rút lại yêu cầu độc lập đòi ông Nguyễn Trung T số tiền nợ thức ăn nuôi tôm là 116.511.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của ông P.

[6] Ông Nguyễn Trung T đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền mà ông P đã trả cho Ngân hàng thay cho ông T, tuy nhiên, ông P không đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ, đo đạc và định giá 4.232.200 đồng, ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu, đã dự nộp và chi hết nên không hoàn lại.

[8] Về án phí: ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông Nguyễn Trung T.

[9] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn S và ông Nguyễn Trung T. Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn S và anh Nguyễn Trí K lập ngày 08/01/2015.

2. Công nhận cho ông Nguyễn Trung T quyền sử dụng diện tích đất 7.812,5m² tại một phần thửa 225 (thửa 79 cũ) tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ 14 cũ), tọa lạc tại ấp 15, xã VHA, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn P nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc Đoan có số đo 28,5m;
- Hướng Tây giáp đất bờ kênh số 7 có số đo 28,5m;
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 274,3m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Xứng có số đo 274,7m.

3. Tạm giao cho ông Nguyễn Trung T diện tích đất bờ kênh 7 là 289,4m², có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp có số đo 28,5m;
- Hướng Tây giáp kênh số 7 có số đo 28,5m;
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P có số đo 10,16m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn Xứng có số đo 10,19m.

4. Kiến nghị cơ quan Tài nguyên môi trường và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Nguyễn Trí K đối với diện tích đất còn lại.

5. Ông Nguyễn Trung T có quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký đối với diện tích đất được công nhận.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trung T đòi ông Nguyễn Văn P trả số tiền 160.000.000đ.

7. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn P đòi ông Nguyễn Trung T trả số tiền 116.511.000đ.

8. Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ, đo đạc và định giá 4.232.200 đồng, ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu, đã dự nộp và chi hết nên không hoàn lại.

9. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, ông Nguyễn Trung T tự nguyện nộp. ông T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền ngày 0006151 ngày 08/5/2020 và 4.000.000 đồng tại biên lai số 0010490 ngày 23/02/2021 chuyển thu án phí. Hoàn lại cho ông T 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí. Ông P đã dự nộp 3.386.000 đồng tại biên lai số 0002555 ngày 28/4/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện HB;*
- *Cơ quan THA huyện HB;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm